TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN** **KHU VỰC 3 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-ST
Ngày 10-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Kiểm

Bà Nguyễn Thị Tư

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 266/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/QĐDS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại S; địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Thành L, sinh năm 1996; số căn cước công dân: 014096006524; địa chỉ: Số 75 Đ, phường L, Thành phố Hà Nội (Quyết định uỷ quyền số 05/2026/QĐ-PGDKL ngày 13/01/2026); có mặt.

- Bị đơn: Bà Phùng Thị Thu N, sinh năm 1983; số căn cước công dân: 031183000857; nơi cư trú: Số 273 lô 27 đường L, phường G, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại S và bà Phùng Thị Thu N ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, số hợp đồng: 2921797 ngày 25/9/2023. Căn cứ thu nhập của bà Phùng Thị Thu N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum 436438 - 7112 với hạn mức sử dụng của thẻ là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Phùng Thị Thu N đã thực hiện vay tiêu dùng trên thẻ tín dụng với thông tin: số thẻ: 211251 - 7151, số tiền vay: 59.000.000 đồng, kỳ hạn vay 48 tháng, lãi suất góp đều 1.4%/ tháng. Kể từ khi giải ngân bà N đã thanh toán được số tiền là 27.322.028 đồng. Số tiền còn lại bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 76.260.258 đồng; trong đó nợ gốc là: 47.505.972 đồng; lãi quá hạn: 28.754.286 đồng.

Đồng thời, bà Phùng Thị Thu N đã thực hiện các giao dịch trên thẻ VS payWave Cre Platinum 436438 - 7112 với tổng số tiền là 463.796.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Phùng Thị Thu N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 421.277.628 đồng. Số tiền còn lại bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 92.668.145 đồng; trong đó nợ gốc là: 59.867.659 đồng; lãi quá hạn: 32.800.486 đồng.

Do bà Phùng Thị Thu N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 25/04/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 107.373.631 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Phùng Thị Thu N vẫn không thực hiện trả nợ. Việc làm trên của bà N đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại S.

Ngân hàng Thương mại S đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà Phùng Thị Thu N phải trả Ny cho Ngân hàng Thương mại S tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2026 tổng số tiền là 168.928.403 đồng cụ thể theo từng thẻ tín dụng như sau:

- Thẻ VS payWave Cre Platinum 436438 – 7112: Số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 92.668.145 đồng; trong đó nợ gốc là: 59.867.659 đồng; lãi quá hạn: 32.800.486 đồng.

- Thẻ 211251 - 7151: Số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày

10/06/2026 là 76.260.258 đồng; trong đó nợ gốc là: 47.505.972 đồng; lãi quá hạn: 28.754.286 đồng.

2. Bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phùng Thị Thu N đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản giấy tờ của Toà án nhưng không có quan điểm, vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/06/2026 tổng số tiền là 168.928.403 đồng, cụ thể theo từng thẻ tín dụng như sau:

- Thẻ VS payWave Cre Platinum 436438 – 7112: Số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 92.668.145 đồng; trong đó nợ gốc là: 59.867.659 đồng; lãi quá hạn: 32.800.486 đồng.

- Thẻ 211251 - 7151: Số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 76.260.258 đồng; trong đó nợ gốc là: 47.505.972 đồng; lãi quá hạn: 28.754.286 đồng.

Bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại S và cá nhân là bà Phùng Thị Thu N với mục đích tiêu dùng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Phùng Thị Thu N cư trú trên địa bàn phường Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 13/10/2025 đến ngày 13/4/2026 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phùng Thị Thu N không có quan điểm giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên hoà giải, vắng mặt phiên toà lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, số hợp đồng: 2921797 ngày 25/9/2023 giữa Ngân hàng Thương mại S và bà Phùng Thị Thu N tuân thủ quy định tại Điều 116, 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại S và bên vay là bà Phùng Thị Thu N tuân thủ đúng quy định pháp luật. Theo đó, Ngân hàng Thương mại S đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bà Phùng Thị Thu N đã sử dụng số tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại S khởi kiện buộc bà N phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/6/2026, bà N còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại S

số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, số hợp đồng: 2921797 ngày 25/9/2023 tổng số tiền là 168.928.403 đồng, cụ thể theo từng thẻ tín dụng như sau:

- Thẻ VS payWave Cre Platinum 436438 – 7112: Số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 92.668.145 đồng; trong đó nợ gốc là: 59.867.659 đồng; lãi quá hạn: 32.800.486 đồng.

- Thẻ 211251 - 7151: Số tiền bà N phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 76.260.258 đồng; trong đó nợ gốc là: 47.505.972 đồng; lãi quá hạn: 28.754.286 đồng.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại S được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Bị đơn bà Phùng Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các điều 298, 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320; 321; 322; 323; 324; 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại S đối với bà Phùng Thị Thu N.

1. Bị đơn bà Phùng Thị Thu N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại S tổng số tiền nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, số hợp đồng: 2921797 ngày 25/9/2023 tổng số tiền là 168.928.403 đồng, cụ thể theo từng thẻ tín dụng như sau:

- Thẻ VS payWave Cre Platinum 436438 – 7112: Số tiền tạm tính đến ngày

10/06/2026 là 92.668.145 đồng; trong đó nợ gốc là: 59.867.659 đồng; lãi quá hạn: 32.800.486 đồng.

- Thẻ 211251 - 7151: Số tiền tạm tính đến ngày 10/06/2026 là 76.260.258 đồng; trong đó nợ gốc là: 47.505.972 đồng; lãi quá hạn: 28.754.286 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phùng Thị Thu N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị Thu N phải chịu án 8.446.420 đồng phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.684.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003585 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Phùng Thị Thu N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 3 – Hải Phòng;
- Thi hành án thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Toà án ND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Phương